

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 17/2023/HS-ST
Ngày 11/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương -
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Thư, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 09/2023/TLHS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Thị L sinh năm 1988; Nơi sinh: huyện C, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc L1 và bà Nguyễn Thị T; chồng Nguyễn Minh H, sinh năm 1988; Có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại “có mặt”

2. Bị cáo Lê Mộng A sinh năm 1989; Nơi sinh: huyện C, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T1 và bà Võ Thị L2; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại “có mặt”

3. Bị cáo Trần Thị S sinh năm 1990 (tên gọi khác P); N sinh: huyện U, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị C; chồng Trần Văn Đ, sinh năm 1984; có 02 con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại “có mặt”

4. Bị cáo **Phương Tấn P1** sinh năm 1990; Nơi sinh: huyện C, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phương Tấn N1 và bà Trần Thị Kim X; Vợ Võ Thị S1, sinh năm 1990; có 01 con sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại “có mặt”

5. Bị cáo **Võ Thị K** sinh năm 1999 (tên gọi khác M); N sinh: huyện C, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn G và bà Lương Thiên L3; chồng Cao Vũ T2, sinh năm 1990; có 02 con lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại “có mặt”

6. Bị cáo **Trần Văn Đ** sinh năm 1984 (tên gọi khác Đ1); N sinh: huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp N năm, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Việt T3 và bà Nguyễn Thị L4; Vợ Trần Thị S, sinh năm 1990; có 02 con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại “có mặt”

7. Bị cáo **Võ Văn G** sinh năm 1978; Nơi sinh: huyện C, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn P2 và bà Trần Thị C1; Vợ Lương Thiên L3, sinh năm 1979; có 02 con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại “có mặt”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn T4 sinh năm 1990 “vắng mặt”

Bà Trần Thị T5, sinh năm 1970 “vắng mặt”

Bà Trần Thị L5, sinh năm 1968 “vắng mặt”

Ông Đỗ Văn Ú1, sinh năm 1960 “vắng mặt”

Ông Đỗ Văn T6, sinh năm 1984 “vắng mặt”

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bà Đỗ Thị Tài L6, sinh năm 1991 “vắng mặt”

Bà Đặng Thị D, sinh năm 1963 “vắng mặt”

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

- *Người làm chứng:*

Bà Nguyễn Thị Đ2 sinh năm 1965 “vắng mặt”

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 28/8/2022 Công an xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ phát hiện và kiểm tra điểm đánh bạc dưới hình thức đánh bài binh 06 lá ăn thua bằng tiền tại phần đất phía sau nhà của Nguyễn Thị L tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ, mời 07 người về làm việc gồm: Nguyễn Thị L, Lê Mộng A, Võ Thị K, Nguyễn Thị Đ2, Trần Thị S, Trần Thị T5, Phương Tuấn P3.

Tang vật thu giữ gồm:

- Thu trên chiếu bạc 03 bộ bài tây;
- Tiền Việt Nam 7.110.000đồng;
- Xe mô tô biển số 65K1 - 031.90; xe mô tô biển số 65F1 - 468.98; xe mô tô biển số 65K1 - 114.22 và xe mô tô biển số 65M2 - 1084.

- Thu giữ trên người các bị cáo Trần Thị S 4.000.000đồng và 01 điện thoại di động Sam sung màu đồng; bị cáo Nguyễn Thị L 210.000đồng; bị cáo Võ Thị K 1.127.000đồng và 01 điện thoại di động Nokia 1208 màu hồng; bị cáo Phương Tuấn P3 2.197.000đồng; Lê Mộng A 01 điện thoại di động N2 màu đen và Nguyễn Thị Đ2 65.000đồng.

Quá trình điều tra xác định: khoảng cuối tháng 7/2022 Nguyễn Thị L chuẩn bị chiếu, bài cho người khác tham gia đánh bạc, dưới hình thức bài binh 06 lá ăn thua bằng tiền phía sau nhà của L tại ấp T, xã T, huyện C để thu tiền xâu, quy định người làm cái 04 ván L thu tiền xâu từ 10.000đồng đến 20.000đồng.

Vào khoảng 11 giờ 45 phút, ngày 28/8/2022 bị cáo L chuẩn bị chiếu, bài cho người khác tham gia đánh bạc gồm: Các bị cáo Trần Thị S, Võ Thị K, Lê Mộng A, Trần Văn Đ làm cái xoay vòng, bị cáo Võ Văn G, bị cáo Phương Tuấn P3, các đối tượng đánh bạc Trần Thị T5, Nguyễn Văn T4, Đỗ Thị Ú2, Đặng Thị D, Đỗ Thị Tài L6, Trần Thị L5 thay phiên nhau tham gia đặt tụ, mỗi tụ đặt từ 50.000đồng đến 200.000đồng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày T5, Ú2, D, Tài L6, L5, T4 nghỉ; trong đó, Tài L6 tham gia 09 ván, mỗi ván 50.000đồng, thua 300.000đồng, Đặng Thị D tham gia 12 ván, mỗi ván 50.000đồng, thua 300.000đồng, Trần Thị T5 tham gia 07 ván, thua 300.000đồng, Trần Thị L5 tham gia 04 ván mỗi ván 100.000đồng thua 400.000đồng, Đỗ Thị Ú2 tham gia 06 ván, thua 200.000đồng, Nguyễn Văn T4 tham gia 7 ván thua 400.000đồng. Còn lại các bị cáo Trần Thị S, Trần Văn Đ, Lê Mộng A, Võ Thị K, Võ Văn G, Phương Tuấn P3 tham gia chơi. Lúc này bị cáo A làm cái, còn lại các bị cáo K, G, P3 và Đ đặt tụ. Sau đó đến lượt Đ làm cái được 02 ván, đến ván thứ 03 chuẩn bị chia bài thì Công an xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ phát hiện và thu giữ vật chứng có liên quan. Tổng số tiền dùng đánh bạc là 7.620.000đồng, trong đó tiền trên chiếu bạc 7.110.000đồng, tiền thu giữ trên người chứng minh được sử dụng đánh bạc là 390.000đồng, trong đó của bị cáo Phương T7 Phú 200.000đồng, bị cáo Nguyễn Thị L 190.000đồng và bị cáo Trần Văn Đ 120.000đồng. Trong quá trình tổ chức đánh bạc bị cáo Nguyễn Thị L thu lợi bất chính được 4.160.000đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C trả lại cho Nguyễn Thị Đ2 xe mô tô 65K1 - 031.90; Nguyễn Văn T8 xe mô tô 65M2-1084; Trần Thị S 01 điện thoại di động Samsung màu đồng; Phương T7 Phú xe mô tô 65F1 - 468.98; Lê Mộng A xe mô tô 65K1 - 114.22 và 01 điện thoại di động Nokia màu đen; Võ Thị K 01 điện thoại di động Nokia 1208 màu hồng.

Hành vi tham gia đánh bạc của Nguyễn Văn T4, Trần Thị T5, Đỗ Thị Ú2, Đặng Thị D, Đỗ Thị Tài L6, Trần Thị L5 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện C xử phạt hành chính.

Tại bản cáo trạng số 09/CT - VKSCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo S.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L số tiền từ 40.000.000đồng đến 50.000.000đồng; Xử phạt bị cáo Lê Mộng A, Trần Thị S, Phương Tấn P1, Trần Văn Đ, Võ Thị K số tiền từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng. Xử phạt bị cáo Võ Văn G từ 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng, sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc 7.620.000đồng (Trong đó, thu trên chiếu bạc 7.110.000đồng, thu của bị cáo P1 200.000đồng, thu của bị cáo L 190.000đồng, bị cáo Đ giao nộp 120.000đồng) và tiền thu lợi bất chính bị cáo L giao nộp 4.160.000đồng. Trả lại cho bị cáo S 4.000.000đồng, bị cáo P1 1.997.000đồng, bị cáo K 1.127.000đồng, bị cáo L 20.000đồng và bà Nguyễn Thị Đ2 65.000đồng. Tịch thu tiêu hủy 03 bộ bài tây và một chiếc chiếu.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, thành phố Cần Thơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Qua đối chiếu quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự nhận thấy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thống nhất với nội dung bản cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và khai nhận:

Bị cáo L khai nhận: Vào khoảng cuối tháng 7/2022 bị cáo chuẩn bị dụng cụ tổ chức cho người khác tham gia đánh bạc ở phía sau nhà của bị cáo để thu tiền xâu. Hình thức đánh bạc bài binh 06 lá, cách thức thu xâu cứ người làm cái đánh 04 ván mà ăn thì bị cáo thu tiền xâu từ 10.000đồng đến 20.000đồng, người làm cái thua thì không thu xâu.

Vào khoảng 11 giờ 45 phút, ngày 28/8/2022 bị cáo chuẩn bị chiếu, bài cho nhiều đối tượng tham gia đánh bạc. Trong đó, 04 bị cáo thay phiên nhau làm cái gồm bị cáo S, K, A và Đ, các bị cáo còn lại và một số đối tượng khác tham gia đặt tụ, mỗi tụ đặt từ 50.000đồng đến 200.000đồng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày một số đối tượng đánh bạc nghỉ, còn lại các bị cáo S, Đ, A, K, G, P1 tiếp tục chơi. Bị cáo Đ làm cái được 02 ván, đến ván thứ 03 chuẩn bị chia bài thì lực lượng chức năng phát hiện, thu giữ vật chứng có liên quan. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 7.620.000đồng. Trong thời gian tổ chức đánh bạc bị cáo thu lợi bất chính được 4.160.000đồng.

Các bị cáo S, K, A và Đ thừa nhận có tham gia đánh bạc tại nhà của bị cáo L, các bị cáo thay phiên nhau làm cái, cách thức tham gia đặt tụ và thu xâu đúng như lời trình bày của bị cáo L. Ngày 28/8/2022 các bị cáo bắt đầu đánh bạc từ khoảng 11 giờ 45 phút đến khoảng 17 giờ thì bị lực lượng chức năng phát hiện, tổng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 7.620.000đồng.

Các bị cáo P1 và G thừa nhận có tham gia đánh bạc nhưng các bị cáo không làm cái mà chỉ đặt tụ, bị cáo P1 đặt cược 06 ván, mỗi ván 200.000đồng, bị cáo thắng 800.000đồng, bị cáo G tham gia đặt tụ ván đầu chưa ăn thua thì bị phát hiện bắt quả tang.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với những chứng cứ thu thập có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa. Xét thấy, các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chỉ vì ham lợi bất chính mà thực hiện hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc trên 5.000.000đồng. Hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tình tiết giảm nhẹ các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo L, bị cáo Đ tự nguyện nộp tiền đánh bạc và tiền thu lợi bất chính nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo S phạm tội khi đang mang thai do đó được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Các bị cáo tham gia đánh bạc nhưng số tiền dùng để đánh bạc không lớn, tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội không cao, các bị

cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Do đó không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng chung. Tuy nhiên, đối với bị cáo L là người dùng địa điểm, chuẩn bị dụng cụ để tổ chức cho người khác tham gia đánh bạc nhằm thu lợi bất chính. Vì vậy, số tiền phạt đối với bị cáo L phải cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo S, Đ, A, K tham gia làm cái nhiều ván, bị cáo P1 tuy không làm cái nhưng số lần tham gia đặt cược nhiều ván, số tiền dùng đánh bạc tương đương với các bị cáo trên. Do đó số tiền phạt đối với các bị cáo là như nhau. Riêng bị cáo G chỉ tham gia đặt tụ một lần nhưng chưa xác định thắng thua thì bị lực lượng chức năng phát hiện. Do đó, số tiền phạt dành cho bị cáo thấp hơn các bị cáo khác.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với số tiền thu trên chiếu bạc 7.110.000đồng, thu của bị cáo P1 200.000đồng, thu của bị cáo L 190.000đồng, bị cáo Đ giao nộp 120.000đồng, tiền thu lợi bất chính bị cáo L giao nộp 4.160.000đồng, có liên quan đến việc đánh bạc nên tịch thu Sung công quỹ N3. Đối với số tiền thu giữ của bị cáo S 4.000.000đồng, của bị cáo P1 1.997.000đồng, của bị cáo K 1.127.000đồng, của bị cáo L 20.000đồng và của bà Nguyễn Thị Đ2 65.000đồng, không có liên quan đến việc đánh bạc nên trả lại cho các bị cáo và bà Đ2; Đối với 03 bộ bài tây, 01 chiếc chiếu là dụng cụ dùng để đánh bạc, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[5] Đối với hành vi tham gia đánh bạc của đối tượng Nguyễn Văn T4, Trần Thị T5, Đỗ Thị U2, Đặng Thị D, Đỗ Thị Tài L6, Trần Thị L5 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện C xử phạt hành chính là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Mộng A, Trần Thị S, Phương Tấn P1, Võ Thị K, Trần văn Đ3 và Võ văn G1 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo. Áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo S.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 40.000.000đồng

Xử phạt bị cáo Lê Mộng A số tiền 30.000.000đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Thị S số tiền 30.000.000đồng.

Xử phạt bị cáo Phương Tấn P1 số tiền 30.000.000đồng.

Xử phạt bị cáo Võ Thị K số tiền 30.000.000đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ số tiền 30.000.000đồng.

Xử phạt bị cáo Võ Văn G số tiền 20.000.000đồng.

Buộc các bị cáo phải giao nộp số tiền trên, sung công quỹ Nhà nước.

2. Hình phạt bổ sung: Không

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 11.780.000đồng. Trong đó, thu trên chiếu bạc 7.110.000đồng, thu của bị cáo Phương Tấn P1 200.000đồng, thu của bị cáo Nguyễn Thị L 190.000đồng, bị cáo Trần Văn Đ giao nộp 120.000đồng theo biên lai thu số 0009167 ngày 12/4/2023 và tiền thu lợi bất chính bị cáo L giao nộp 4.160.000đồng theo biên lai thu số 0009166 ngày 12/4/2023);

Trả lại cho các bị cáo Trần Thị S 4.000.000đồng, Phương Tấn P1 1.997.000đồng, Võ Thị K 1.127.000đồng, Nguyễn Thị L 20.000đồng và bà Nguyễn Thị Đ2 65.000đồng.

Tịch thu tiêu hủy 03 bộ bài tây và 01 chiếc chiếu.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 11/QĐ-VKSCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và Bản thống kê vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000đồng

Bị cáo Lê Mộng A phải nộp 200.000đồng

Bị cáo Trần Thị S phải nộp 200.000đồng

Bị cáo Phương Tấn P1 phải nộp 200.000đồng

Bị cáo Võ Thị K phải nộp 200.000đồng

Bị cáo Trần Văn Đ phải nộp 200.000đồng

Bị cáo Võ Văn G phải nộp 200.000đồng

Các bị cáo có mặt, được quyền làm kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKS TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Cờ Đỏ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS sự huyện Cờ Đỏ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn